QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 111 /2024/QH15

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 979
Ngày: 10/09/2024
- CT, PCT
Chuyển: VHXD
- KGVX, DT, NC

NGHỊ QUYẾT
Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi chung là các chương trình mục tiêu quốc gia).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dự án thành phần* bao gồm: dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; nội dung thành phần, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. *Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất* bao gồm: dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

3. *Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị* bao gồm: dự án, kế hoạch phát triển sản xuất do doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là đơn vị chủ trì liên kết) hợp tác với cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ, nhóm cộng đồng, tổ hợp tác xây dựng, đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để liên kết hình thành chuỗi giá trị thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

4. *Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng* bao gồm: dự án, phương án phát triển sản xuất do cộng đồng người dân (thôn, bản và tương đương; tổ, nhóm dân cư hoặc hộ gia đình) xây dựng, đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. *Chủ dự án phát triển sản xuất* (sau đây gọi là chủ dự án) là đơn vị chủ trì liên kết, cộng đồng người dân được xác định tại quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

6. *Cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất* (sau đây gọi là cơ quan quản lý dự án) là cơ quan nhà nước được giao dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và được xác định cụ thể tại quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

7. *Dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp* là dự án đầu tư đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây: thuộc nội dung đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia; được thực hiện trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; có tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng; kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện thực hiện dự án hoặc thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.

Điều 4. Cơ chế, chính sách đặc thù trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Về phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm:

a) Quốc hội quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng mức kinh phí của từng chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng kinh phí chi thường xuyên của từng chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần.

2. Về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định của Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội;

b) Theo thẩm quyền được phân cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của các chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định của Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội;

c) Nguyên tắc điều chỉnh:

c1. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện cho các dự án thành phần khác trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải bảo đảm không vượt quá tổng dự toán ngân sách nhà nước và không thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên của từng chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền giao;

c2. Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án đầu tư trong danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng dự án, tổng mức vốn trong năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Về ban hành quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyết định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định về các nội dung này;

b) Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung sau khi được sự đồng ý

của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

4. Về sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất:

a) Chủ dự án quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ trong nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Căn cứ quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho chủ dự án thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ như sau:

b1. Trường hợp chủ dự án trực tiếp sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh của mình, cơ quan quản lý dự án thanh toán trực tiếp chi phí sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho chủ dự án theo định mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Trường hợp chưa có quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về định mức hỗ trợ, cơ quan quản lý dự án thanh toán theo giá của hàng hóa, dịch vụ được phê duyệt tại quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở giá của hàng hóa, dịch vụ cùng loại được mua bán tại địa bàn thực hiện dự án do cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp đề xuất; trường hợp tại địa bàn thực hiện dự án chưa có hàng hóa, dịch vụ cùng loại được mua bán thì cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp tham chiếu giá bán hàng hóa, dịch vụ cùng loại trên địa bàn tỉnh để đề xuất; đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt thì cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất;

b2. Trường hợp sử dụng hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất, cung ứng tại địa bàn thực hiện dự án, cơ quan quản lý dự án thanh toán trực tiếp chi phí sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho chủ dự án theo giá hàng hóa, dịch vụ được mua bán tại địa bàn cấp xã, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Trường hợp tại địa bàn thực hiện dự án chưa có hàng hóa, dịch vụ cùng loại được mua bán, cơ quan quản lý dự án tham chiếu giá bán hàng hóa, dịch vụ cùng loại trên địa bàn tỉnh để quyết định thanh toán hỗ trợ cho chủ dự án;

b3. Trường hợp chủ dự án ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với bên cung cấp không phải là thành viên tham gia dự án phát triển sản xuất, cơ quan quản lý dự án thanh toán cho bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua bán có xác nhận ba bên, bao gồm chủ dự án, bên cung cấp dịch vụ, hàng hóa và cơ quan quản lý dự án. Chủ dự án có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh hoạt động mua sắm, bao gồm hóa đơn bán hàng và chứng từ khác (nếu có) cho cơ quan quản lý dự án chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ từ bên cung cấp.

5. Về quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

a) Tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất không áp dụng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trong trường hợp sau đây:

a1. Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng được hỗ trợ toàn bộ vốn hoặc một phần vốn từ ngân sách nhà nước;

a2. Tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham gia thực hiện dự án;

a3. Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước không quá 20% giá trị tài sản;

b) Cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện dự án.

6. Về ủy thác vốn của ngân sách địa phương qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được quyết định việc bố trí vốn ngân sách của địa phương bao gồm vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên, giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động sau đây của các chương trình mục tiêu quốc gia: phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn;

b) Đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương không phải lập danh mục chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện từng chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

7. Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025:

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định lựa chọn không quá 02 huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định

giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia cho huyện được lựa chọn thí điểm;

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện được quyết định điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên giữa các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được cấp có thẩm quyền giao; cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chi đầu tư, chi thường xuyên của các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ để tập trung vốn thực hiện các dự án thành phần khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

c) Việc quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của huyện thực hiện cơ chế thí điểm được thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã được Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản này.

8. Về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, đầu tư vốn hằng năm đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp:

a) Căn cứ danh mục dự án dự kiến đã báo cáo Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cùng cấp giao kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp theo tổng vốn thực hiện các dự án; không bắt buộc giao danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Việc phân bổ, giao kế hoạch đầu tư vốn hằng năm thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp chi tiết đến từng dự án được thực hiện theo nguyên tắc tổng vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước lũy kế đến thời điểm giao vốn nhưng không được vượt quá tổng mức vốn thực hiện các dự án này trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu năm 2026 hoặc cùng thời điểm đề xuất chủ trương đầu tư liên quan đến các chương trình mục tiêu quốc gia này trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này.

3. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua cho đến khi Quốc hội có quy định khác.

2. Cơ chế, chính sách quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này không áp dụng đối với việc quản lý, sử dụng nguồn vốn nước ngoài huy động để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Trường hợp trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, địa phương đã thực hiện việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch đầu tư vốn năm 2023 (đã bao gồm cả dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn chưa giải ngân hết trong năm 2021, năm 2022 đã được chuyển sang năm 2023 theo quy định) phù hợp với nguyên tắc điều chỉnh quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này thì được áp dụng theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 5 thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Vương Đình Huệ

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Số: 11 /SY-VPQH

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- VPTW và các Ban của Đảng;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Chủ tịch QH, các PCTQH; Thành viên UBTVQH;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của QH;
- Các Ban của UBTVQH; Viện NCLP;
- VPQH, Chủ nhiệm VPQH, các PCNVPQH;
- Tòa án nhân dân tối cao; VKSNDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Lưu: HC, DT;
- Số e-pas: 10382.

SAO Y

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

KT. CHỦ NHIỆM

PHÓ CHỦ NHIỆM



Nguyễn Thị Thúy Ngần